

Biểu 04

ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2020 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 243 /QĐ-UBND-NĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác		
I	Huyện Thanh Bình	13.2700	0.0000	13.2700	4.3500	0.5600	6.9100	0.0000	0.0000	1.4500	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000		
1	Chuyển mục đích sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (xây dựng dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hai Năm)	13.2700		13.2700	4.3500	0.5600	6.9100			1.4500						An Phong	Dự án được duyệt diện tích đất lúa 3,65ha (theo Nghị quyết số 298/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019). Nay điều chỉnh diện tích đất lúa thành 4,35ha tăng 0,70ha. Lý do điều chỉnh quy hoạch

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2020 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 243 /QĐ-UBND-NĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Sử dụng từ các loại đất																	
				Diện tích	Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác			
1	Đường số 10 từ khu Văn hoá - Thể thao ra sông Lồng Ông; hạng mục: Bồi thường và xây dựng	0.1700		0.1700		0.14					0.02								0.01	Tân Khánh Trung	Dự án được duyệt tên Xây dựng tuyến đường từ khu văn hóa - thể thao ra sông Lồng Ông xã Tân Khánh Trung, diện tích 0,14ha (theo Nghị quyết số 152/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017). Nay điều chỉnh tên thành Đường số 10 từ khu VH TT ra sông Lồng Ông; hạng mục: Bồi thường và xây dựng, diện tích 0,17ha tăng 0,03ha. Lý do điều chỉnh quy hoạch
IV	Huyện Cao Lãnh	1.0400	0.1900	0.8500	0.7500	0.1000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (đoạn qua xã Tân Hội Trung)	0.6000	0.1000	0.5000	0.4000	0.1000														Tân Hội Trung	Dự án được duyệt tên là Tuyến Mỹ Quý - Bình Hàng Trung, đoạn bờ đông kênh Cái Bèo (theo Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020). Nay điều chỉnh diện tích 0,5ha thành 0,6ha tăng 0,1ha và điều chỉnh tên thành Đường bờ Đông kênh Cái Bèo (đoạn qua xã Tân Hội Trung). Lý do điều chỉnh quy hoạch
2	Trường Mầm non Gáo Giồng	0.4400	0.0900	0.3500	0.3500															Gáo Giồng	Dự án được duyệt diện tích 0,25ha (theo Nghị quyết số 297/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019). Nay điều chỉnh diện tích thành 0,35ha tăng 0,10ha. Lý do điều chỉnh quy hoạch

Biểu 02

BỔ SUNG DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2020 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 243 /QĐ-UBND-NĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

1	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất, phi nông nghiệp (Xưởng chế biến nông sản và kho lạnh bảo quản nông sản Việt Đức)	2.0313		2.0313	1.2979	0.7334										Thị trấn Mỹ Thọ, Tân Nghĩa	
Tổng		4.4547	0.0000	4.4547	2.3589	0.9633	0.0000	0.0000	1.0700	0.0625	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000		

Biểu 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG TRONG NĂM 2020 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 243 /QĐ-UBND-NĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
Vốn tỉnh		18.2612	2.6400	15.6212	14.0816	0.2608	0.0000	0.0000	0.4400	0.0700	0.3388	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.4300			
I	Huyện Hồng Ngự	13.8000	0.0000	13.8000	13.8000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Dự án Tuyến dân cư Kênh 17 giai đoạn 1	8.8000		8.8000	8.8000														Long Thuận	Quyết định số 1090/QĐ-UBND-HC ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh	
2	Dự án Khu thương mại - dịch vụ Kênh 17	5.0000		5.0000	5.0000														Long Thuận	Công văn số 1076/UBND-HC ngày 17/9/2020 của UBND huyện Hồng Ngự (có phát triển hạ tầng)	
II	Huyện Tân Hồng	0.0712	0.0000	0.0712	0.0416	0.0208	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0088	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Công trình hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 2)	0.0712		0.0712	0.0416	0.0208					0.0088								Tân Hộ Cơ, Thông Bình	Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh	
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	4.3900	2.6400	1.7500	0.2400	0.2400	0.0000	0.0000	0.4400	0.0700	0.3300	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.4300			
1	Xây cầu Tân Thành B trên tuyến ĐT.843	2.1800	1.0900	1.0900	0.1500	0.1100			0.2200		0.3300							0.2800	Tân Thành B, Thông Bình,	Quyết định số 836/QĐ-UBND-HC ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	
2	Mở rộng và nâng cấp tải trọng cầu Tràm Chim trên đường ĐT.843, huyện Tam Nông	2.2100	1.5500	0.6600	0.0900	0.1300			0.2200	0.0700								0.1500	thị trấn Tràm Chim	Quyết định số 834/QĐ-UBND-HC ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	
Vốn huyện		42.1543	24.6190	17.5353	7.0943	7.5210	0.0121	0.0000	0.0279	0.1800	2.7000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
I	Huyện Hồng Ngự	0.5600	0.3790	0.1810	0.0000	0.1410	0.0121	0.0000	0.0279	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Dự án đường mương Xã Song	0.5600	0.3790	0.1810		0.1410	0.0121		0.0279										Thị trấn Thường Thới Tiền	Quyết định số 2148a/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND huyện Hồng Ngự	

[illegible]

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác			
1	Cầu Bà Học ngoài	0.1000	0.0700	0.0300		0.0100					0.0200								Mỹ Tân	Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Cầu Bà Học ngoài (đi huyện Cao Lãnh), xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh	
2	Sân bóng đá Mỹ Tân	2.8000	2.4000	0.4000	0.1000	0.2500					0.0500								Mỹ Tân	Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Sân bóng đá Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh	
VI	Huyện Tân Hồng	1.4400	0.0000	1.4400	0.0000	0.6700	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.7700	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Bờ Tây sông Cái Cái (từ kênh Tân Thành - Lò Gạch đến lộ 30 cũ)	1.2200		1.2200		0.4500					0.7700								Thông Bình	Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND huyện	
2	Trường Mầm non Tân Công Chí (điểm chính)	0.2200		0.2200		0.2200													Tân Công Chí		
VII	Huyện Lấp Vò	7.1800	0.0000	7.1800	4.3900	2.7000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0900	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Khu liên hợp Văn hóa – Thể dục thể thao huyện Lấp Vò	7.1800		7.1800	4.3900	2.7000				0.0900									Thị trấn Lấp Vò	Công văn số 10/UBND-XDCB ngày 05/2/2020 của UBND huyện Lấp Vò	
VIII	Huyện Cao Lãnh	20.1600	13.0300	7.1300	1.7600	3.6200	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	1.7500	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000			
1	Trường Tiểu học Phương Thịnh 1	0.6900	0.5300	0.1600	0.1600														Phương Thịnh	Theo Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Cao Lãnh	
2	Cầu Cà Mác - Cầu Ngã Đồng	0.2200		0.2200		0.2200													Ba Sao - Tân Nghĩa	Theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND huyện Cao Lãnh	

[illegible]